

# Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu ở Việt Nam

Phạm Minh Thái\*, Vũ Thị Vân Ngọc\*\*, Nguyễn Thị Vân Hà\*\*\*

Nhận ngày 12 tháng 9 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 10 năm 2022.

**Tóm tắt:** Sử dụng bộ số liệu điều tra lao động việc làm của Tổng cục Thống kê, bài viết<sup>1</sup> mô tả sự thay đổi thu nhập của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 2007-2021. Kết quả cho thấy, thu nhập danh nghĩa của lao động làm công ăn lương trong các ngành chế tạo nói chung và các ngành định hướng xuất khẩu nói riêng tăng liên tục trong cả giai đoạn 2007-2021. Tuy nhiên, thu nhập của nam giới luôn cao hơn của nữ giới và nhóm lao động trình độ cao có thu nhập cao hơn hẳn so với nhóm trình độ thấp hơn. Những lao động làm công ăn lương có trình độ phù hợp với công việc đang làm trong các ngành chế tạo định hướng xuất khẩu có thu nhập cao hơn đáng kể so với những người thiếu trình độ.

**Từ khóa:** Thu nhập, định hướng xuất khẩu, làm công ăn lương.

**Phân loại ngành:** Kinh tế học

**Abstract:** Using the labour and employment survey data set by the General Statistics Office, the article describes the change in income of salaried workers in some of Vietnam's major export-oriented industries in the period 2007-2021. The results show that the nominal income of salaried workers in manufacturing industries in general and export-oriented industries in particular increased continuously during the period. However, the income of men is always higher than that of women, and the groups of workers with a higher level of education have much higher incomes than those with a lower level. Salaried workers with qualifications relevant to their jobs in export-oriented manufacturing industries have significantly higher incomes than those who do not have them.

**Keywords:** Income, export orientation, salaried employment.

**Subject classification:** Economics

## 1. Mở đầu

Thị trường lao động là nơi diễn ra sự trao đổi sức lao động giữa một bên là người đem sức lao động đi bán (người làm công) và một bên là người mua sức lao động để sử dụng (người sử dụng lao động) nhằm xác định số lượng và chất lượng sức lao động đem ra trao đổi trên thị trường với mức thù lao tương ứng. Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), có nhiều tiêu chí để đánh giá thị trường lao động bao gồm khoảng 20 chỉ tiêu và được chia thành 8 nhóm bao gồm: (1) chỉ tiêu liên quan tới lực lượng lao động; (2) chỉ tiêu về việc làm; (3) chỉ tiêu về thất nghiệp, thiếu việc làm và tình trạng không hoạt động kinh tế; (4) chỉ tiêu về trình độ học vấn; (5) chỉ tiêu về chi phí lao động và tiền lương; (6) chỉ tiêu về năng suất lao động và chi phí lao động đơn vị; (7) chỉ tiêu về cơ giới

\*,\*\*, \*\*\* Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phamminhthai80@gmail.com

<sup>1</sup> Bài viết thuộc đề tài cấp Bộ "Tác động của việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu đối với thị trường lao động ở Việt Nam", do Trung tâm Phân tích và Dự báo chủ trì, TS. Phạm Minh Thái làm chủ nhiệm.

việc làm; (8) chỉ tiêu về nghèo đói và phân phối thu nhập (Nguyễn Thị Hải Vân, 2014). Trong những nhóm chỉ tiêu này, thu nhập là chỉ tiêu quan trọng nhất đánh giá về chất lượng của việc làm, đồng thời cũng phản ánh điểm cân bằng giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

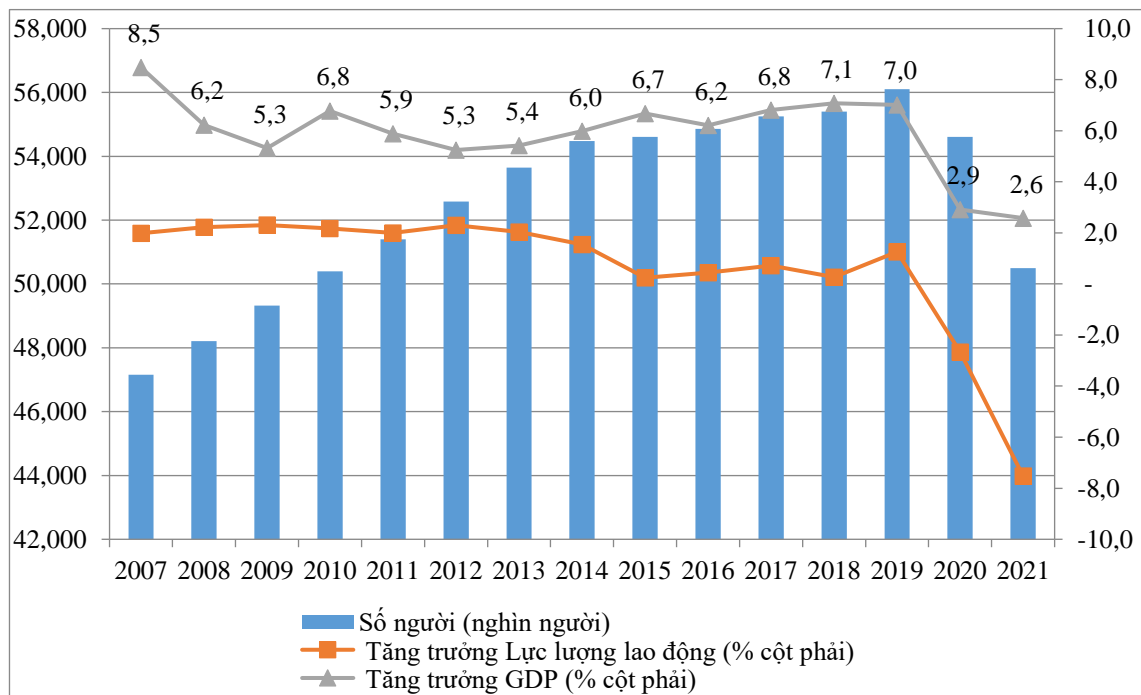
Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã và đang tham gia tích cực vào chuỗi giá trị toàn cầu với rất nhiều ngành có thế mạnh, thâm dụng lao động và định hướng xuất khẩu như: dệt may, điện tử, da giày, gỗ và các sản phẩm gỗ. Câu hỏi đặt ra là liệu việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu như vậy có làm tăng thu nhập của người lao động trong các ngành định hướng xuất khẩu hay không? Liệu sự chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ sẽ được thu hẹp lại hay tiếp tục bị doãng ra trong bối cảnh đó? Chính vì vậy, việc mô tả sự thay đổi thu nhập của người lao động trong các ngành định hướng xuất khẩu và sử dụng nhiều lao động trong giai đoạn gần 15 năm qua là việc rất quan trọng và cần thiết. Mặc dù việc mô tả này chỉ cho thấy mối tương quan (chứ hoàn toàn không phải là mối quan hệ nhân - quả) giữa thu nhập với việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở Việt Nam trong giai đoạn 2007-2021 nhưng cũng sẽ cung cấp bức tranh toàn cảnh về diễn biến thu nhập của người lao động nói chung và giữa lao động nam và nữ nói riêng, để từ đó thấy được xu hướng vận động về thu nhập của người lao động ở Việt Nam.

## 2. Tăng trưởng kinh tế và tình hình xuất nhập khẩu giai đoạn 2007-2021

### 2.1. Tăng trưởng kinh tế và lực lượng lao động Việt Nam giai đoạn 2007-2021

Hình 1 cho thấy, mặc dù lực lượng lao động của Việt Nam tăng liên tục từ năm 2007 với khoảng 47,1 triệu lao động lên tới 56,1 triệu lao động năm 2020 nhưng tốc độ tăng trưởng của lực lượng lao động đã có xu hướng giảm từ năm 2013. Theo đó, tốc độ tăng của lực lượng lao động đã giảm từ 2,3% (năm 2013) xuống còn 0,3% (năm 2019).

Hình 1: Tăng trưởng kinh tế và lực lượng lao động Việt Nam giai đoạn 2007-2021



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

Đặc biệt, do tác động của đại dịch Covid-19 trong năm 2020, lực lượng lao động đã giảm 1,5 triệu người (từ 56,1 triệu năm 2019 xuống 54,6 triệu năm 2020). Điều đó dẫn tới tốc độ tăng trưởng của lực lượng lao động là -2,7% năm 2020 (tính toán của tác giả từ số liệu điều tra lao động việc làm năm 2020). Lực lượng lao động giảm là do rất nhiều lao động bị tác động bởi đại dịch Covid-19 nên không tham gia vào thị trường lao động.

Trong bối cảnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế sau giai đoạn tăng trưởng từ 5,42% (năm 2013) lên 7% (năm 2019) đã giảm đột ngột xuống còn 2,9% năm 2020.

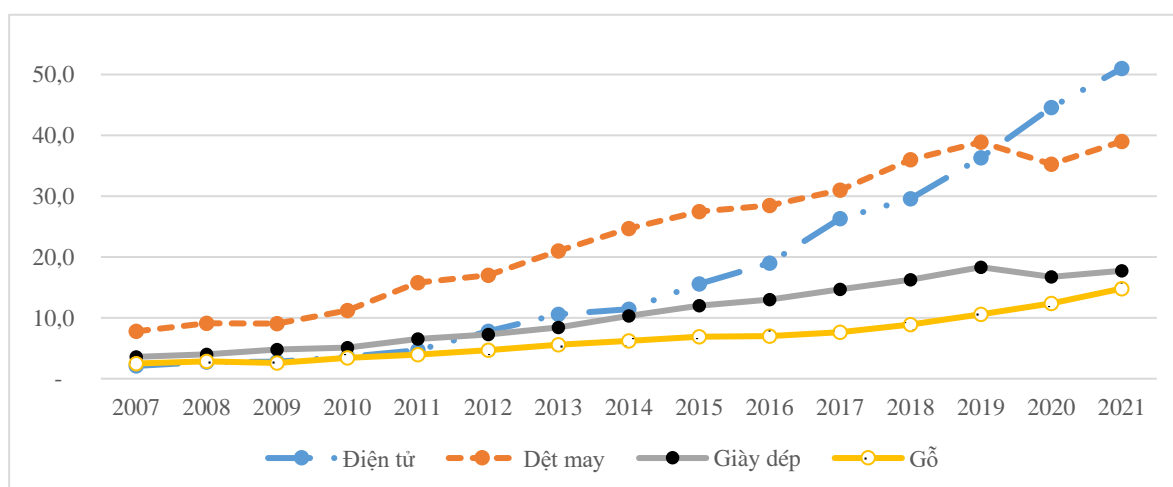
## 2.2. Giá trị xuất khẩu một số ngành xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam giai đoạn 2007-2021

Theo công bố mới nhất của GSO, năm 2021 Việt Nam có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD (chiếm 69,7% tổng kim ngạch xuất khẩu) bao gồm: điện tử, máy tính và linh kiện; điện thoại và linh kiện; phương tiện vận tải và phụ tùng; sắt thép; gỗ và sản phẩm gỗ; giày dép; hàng dệt, may; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng khác (Thông tấn xã Việt Nam, 2022). Để dễ theo dõi và phân loại, nghiên cứu sẽ gộp các mặt hàng điện tử, máy tính, linh kiện, điện thoại và linh kiện thành nhóm ngành điện tử. Mặt hàng sắt thép, phương tiện vận tải và phụ tùng cũng như máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng khác có tỷ lệ lao động thấp nên sẽ gộp vào nhóm ngành chế tạo khác. Như vậy, các ngành định hướng xuất khẩu của nghiên cứu này sẽ là điện tử, dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ và các ngành chế biến, chế tạo khác.

Hình 2 cho thấy, giá trị xuất khẩu của 4 ngành xuất khẩu chính của Việt Nam đều có xu hướng tăng mạnh mẽ (đặc biệt là điện tử và dệt may) trong giai đoạn 2007-2021. Đối với ngành điện tử (bao gồm cả thiết bị điện tử, máy tính và linh kiện), giá trị xuất khẩu đã tăng gấp gần 11 lần từ 4,7 tỷ USD năm 2011 lên 51 tỷ USD năm 2021. Kết quả này giúp cho ngành điện tử đứng thứ 2 trong 8 nhóm ngành đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD của Việt Nam trong năm 2021. Như vậy, trong 10 năm từ 2011-2021, giá trị kim ngạch xuất khẩu của hàng điện tử đã tăng 27,9% (Vũ Long, 2022). Trung bình trong 15 năm từ 2007-2021, tăng trưởng trung bình xuất khẩu hàng điện tử là 26,5%.

Hình 2: Giá trị xuất khẩu điện tử, dệt may, giày dép và gỗ giai đoạn 2007-2021

Đơn vị tính: tỷ USD



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nhiều nguồn số liệu

Ngành dệt may, mặc dù bị tác động mạnh bởi đại dịch Covid-19 đã làm giảm 9,3% giá trị xuất khẩu trong năm 2020 so với năm 2019. Tuy nhiên, đây vẫn là mức rất tích cực trong bối cảnh tổng cầu dệt may thế giới giảm 25% (Nhật Quang, 2021). Đến năm 2021, giá trị xuất khẩu đã tăng trở lại và đạt giá trị 39 tỷ USD. Trung bình giai đoạn 2007-2021, giá trị xuất khẩu của hàng dệt may đã tăng 12,8%.

Giống như ngành dệt may, ngành sản xuất giày dép cũng bị tác động mạnh bởi đại dịch Covid-19 và khiến cho giá trị xuất khẩu của ngành này giảm 8,6% năm 2020 so với năm 2019. Tuy nhiên, đến năm 2021, giá trị xuất khẩu của giày dép đã tăng trưởng ấn tượng và đạt giá trị 17,75 tỷ USD và giá trị này cao gấp 2.164,8 lần so với giá trị xuất khẩu năm 1986 và chiếm khoảng 5,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (Minh Nhung, 2022). Năm 2021, xuất khẩu giày dép đứng thứ 5 trong 8 ngành hàng xuất khẩu đạt kim ngạch lớn nhất Việt Nam. Trung bình giai đoạn 2007-2021, giá trị xuất khẩu của hàng giày dép tăng 12,4%.

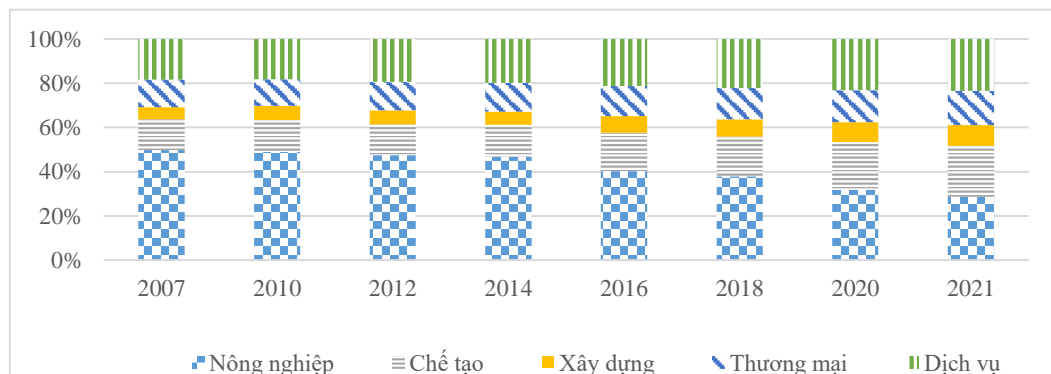
So với năm 2011, kim ngạch xuất khẩu ngành gỗ và sản phẩm gỗ năm 2021 cao hơn gần 3,6 lần. Đặc biệt, trong 3 năm trở lại đây, từ 2019 đến 2021, kim ngạch xuất khẩu ngành gỗ nội thất luôn đạt trên 10 tỷ USD (Top Nội thất, 2022). Giá trị xuất khẩu mặt hàng đồ gỗ đạt 14,81 tỷ USD năm 2021 và trung bình cả giai đoạn 2007-2021, giá trị xuất khẩu của ngành đã tăng 13,9%.

### 3. Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu ở Việt Nam giai đoạn 2007-2021

#### 3.1 Cơ cấu lao động trong một số ngành định hướng xuất khẩu 2007-2021

Theo ngành kinh tế, cơ cấu lao động trong giai đoạn 2007-2021 đã thay đổi theo hướng tích cực khi tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp giảm và tỷ trọng của các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ tăng lên (Hình 3).

Hình 3: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế giai đoạn 2007-2021



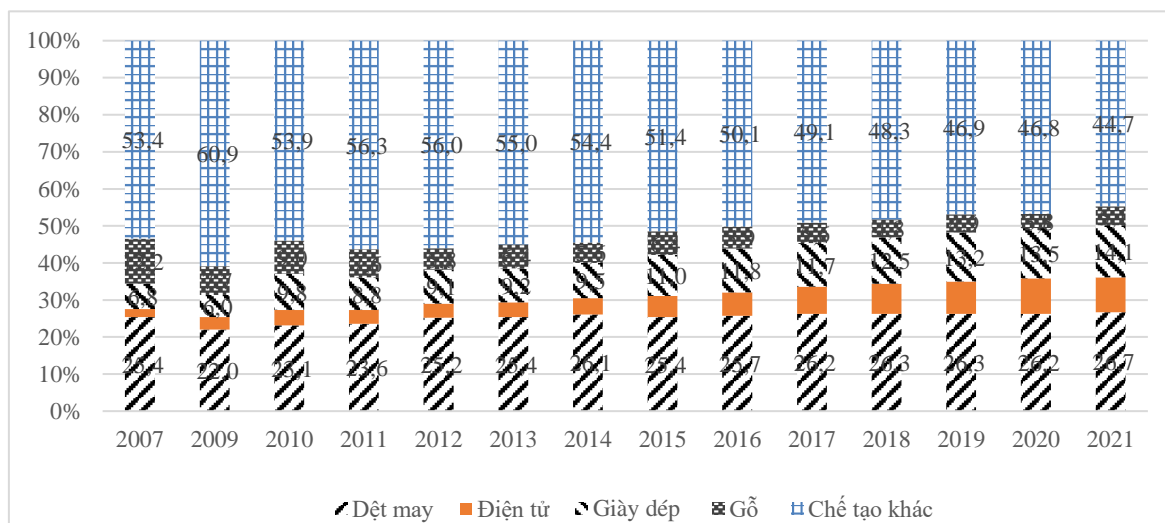
Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra lao động Việt Nam, GSO

Cụ thể, tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp đã giảm từ 49,3% (năm 2007) xuống còn 28,3% (năm 2021) trong khi tỷ trọng lao động trong ngành chế tạo, thương mại và dịch vụ đã tăng lần lượt từ 13,8%; 2,3% và 18,2% năm 2007 lên tương ứng là 22,9%; 15,3% và 23,2% năm 2021.

Lao động trong các ngành chế tạo khác chiếm khoảng 50%, ngành dệt may và giày dép lần lượt chiếm 26,7% và 14,1% trong năm 2021 (tương đương với 2,99 triệu lao động trong ngành dệt may và 1,58 triệu lao động trong ngành giày dép). Tiếp theo là ngành điện tử và sản xuất gỗ lần lượt chiếm 9,4% và 5,1% trong các ngành chế tạo ở Việt Nam năm 2020 (tương ứng với số lao động trong 2 ngày này lần lượt là 1,05 triệu và 0,57 triệu lao động năm 2021) (Hình 4).

Hình 4: Cơ cấu lao động trong các ngành chế tạo năm 2007-2021

Đơn vị tính: %



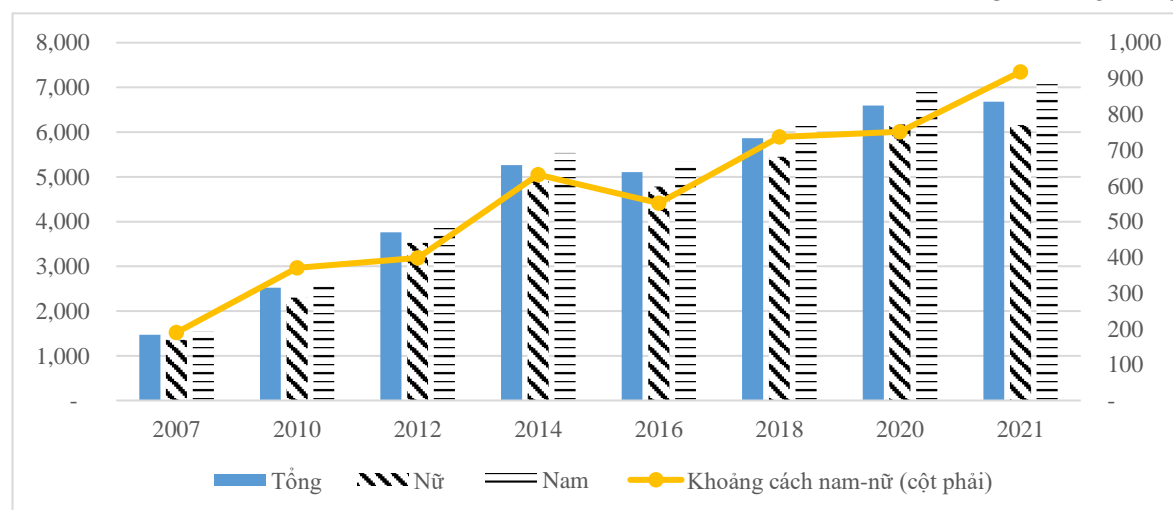
Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu LFS 2007-2021 của GSO

### 3.2. Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu giai đoạn 2007-2021

Số liệu LFS từ năm 2013 đã hỏi thu nhập của tất cả những người có việc làm, tuy nhiên thông tin của những lao động tự làm, lao động làm chủ, làm trong nông nghiệp rất khó chính xác như thông tin về thu nhập của lao động làm công hưởng lương hàng tháng. Hơn thế nữa, số liệu LFS giai đoạn 2007-2012 chỉ hỏi thu nhập riêng cho lao động làm công hưởng lương. Chính vì vậy, phần này chỉ tập trung phân tích số liệu thu nhập của lao động làm công ăn lương để đảm bảo tính chính xác cao cũng như tính so sánh được trong cả giai đoạn 2007-2021.

Hình 5: Thu nhập danh nghĩa trung bình theo giới, 2007-2021

Đơn vị tính: nghìn đồng/tháng

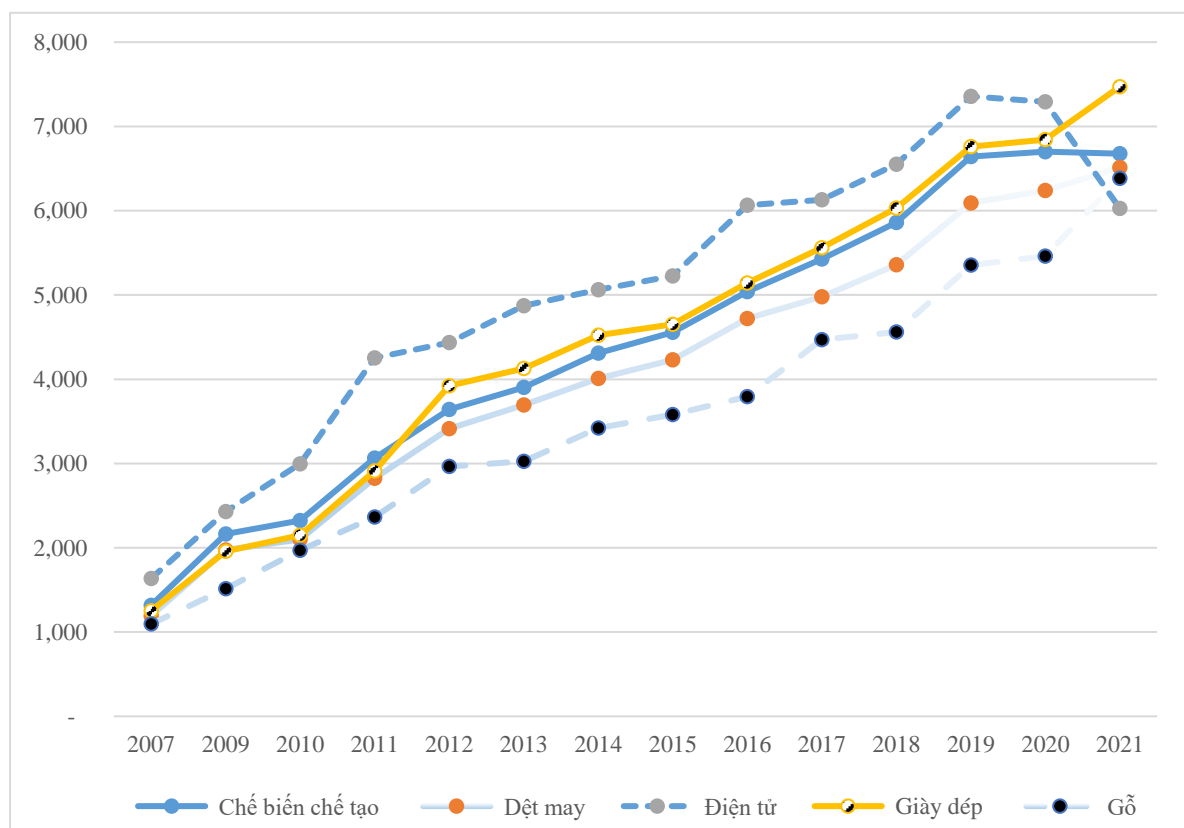


Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra lao động Việt Nam, GSO

Thu nhập danh nghĩa từ lương của người lao động làm công ăn lương nói chung có xu hướng tăng lên năm sau cao hơn năm trước trong giai đoạn 2007-2021. Theo đó, thu nhập trung bình đã tăng từ 1,5 triệu đồng/tháng (năm 2007) lên 6,7 triệu đồng/tháng (năm 2021) (Hình 5).

Tuy nhiên, thu nhập của lao động nam luôn cao hơn thu nhập của lao động nữ và khoảng cách thu nhập ngày càng doãng ra trong giai đoạn 2007-2021. Cụ thể, năm 2007 thu nhập của nữ là 1,4 triệu đồng/tháng, thấp hơn 0,2 triệu đồng/tháng so với thu nhập của lao động nam (1,6 triệu đồng/tháng). Đến năm 2021, khoảng cách thu nhập này tăng lên 0,9 triệu đồng/tháng (thu nhập của nữ và nam lần lượt là 6,2 và 7,1 triệu đồng/tháng trong năm 2021).

Hình 6: Thu nhập danh nghĩa của lao động làm công ăn lương trong một số ngành xuất khẩu chính (nghìn đồng/tháng) giai đoạn 2007-2021



*Nguồn:* Tính toán của tác giả từ số liệu LFS 2007-2021 của GSO

Hình 6 cho thấy, thu nhập danh nghĩa của lao động làm công hưởng lương (trong phần này sẽ được gọi tắt là thu nhập) trong các ngành chế tạo nói chung và các ngành định hướng xuất khẩu nói riêng đều tăng liên tục trong cả giai đoạn 2007-2021. Theo đó, thu nhập của lao động trong ngành chế biến, chế tạo đã tăng hơn 5 lần từ 1,3 triệu đồng/tháng (năm 2007) đã tăng lên 6,7 triệu đồng/tháng (năm 2021). Thu nhập của lao động trong ngành giày dép và gỗ có tốc độ tăng nhanh nhất với khoảng tăng hơn 6 lần trong năm 2021 so với 2007.

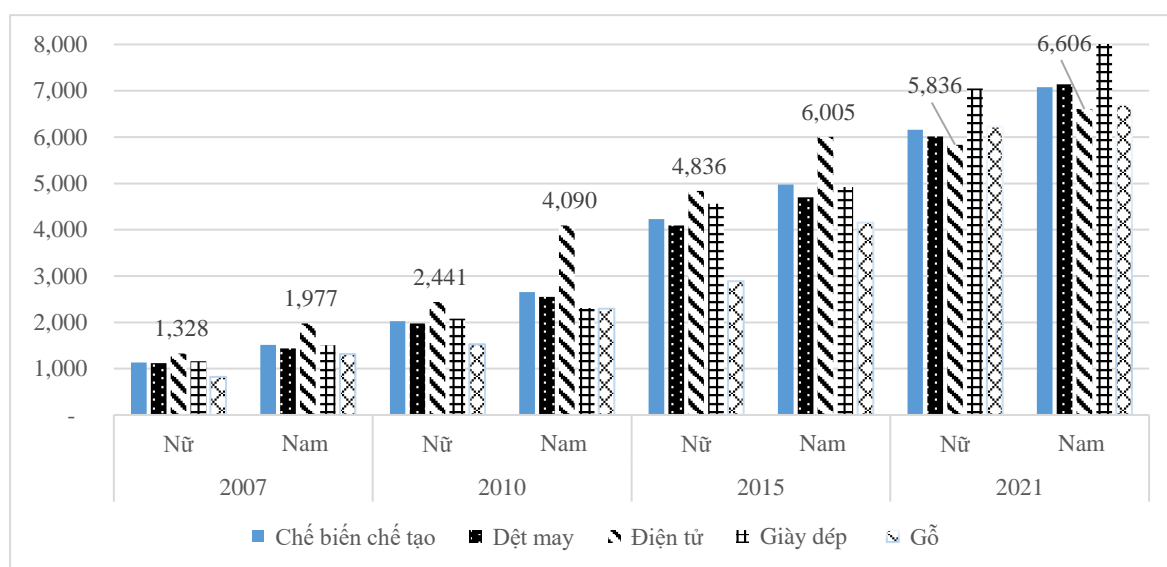
Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong ngành điện tử luôn cao nhất trong giai đoạn 2007-2020 (tăng từ 1,6 triệu đồng/tháng năm 2007 lên 7,3 triệu đồng/tháng năm 2020). Tuy nhiên, năm 2021 lại chứng kiến sự suy giảm 17,4% của thu nhập so với năm 2020. Mức thu nhập

6 triệu đồng/tháng của lao động làm công hưởng lương ngành điện tử thậm chí là thấp nhất trong số các ngành định hướng xuất khẩu được nghiên cứu trong bài viết bao gồm: dệt may, giày dép và gỗ.

Thu nhập của nam giới luôn cao hơn của nữ giới trong các ngành chế tạo định hướng xuất khẩu và thu nhập của cả nam và nữ tăng đều từ năm 2007-2021 (Hình 7).

Hình 7: Thu nhập danh nghĩa của lao động làm công ăn lương trong một số ngành xuất khẩu chính theo giới giai đoạn 2007-2021

Đơn vị tính: nghìn đồng/tháng



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu LFS 2007-2021 của GSO

Trong các ngành định hướng xuất khẩu thì thu nhập của ngành điện tử luôn cao hơn các ngành còn lại trong giai đoạn 2007-2020. Tuy nhiên, đến năm 2021 thì thu nhập của lao động làm công ăn lương trong ngành sản xuất giày dép đã tăng vượt so với ngành điện tử. Cụ thể, thu nhập trong ngành giày dép cao hơn trong ngành điện tử của nữ và nam cao hơn tương ứng là 20,8% và 22,1% trong năm 2021.

So với năm 2007 thì thu nhập năm 2021 trong các ngành chế biến, chế tạo đã tăng 5,4 lần trong thu nhập của nữ và 4,7 lần đối với thu nhập của nam.

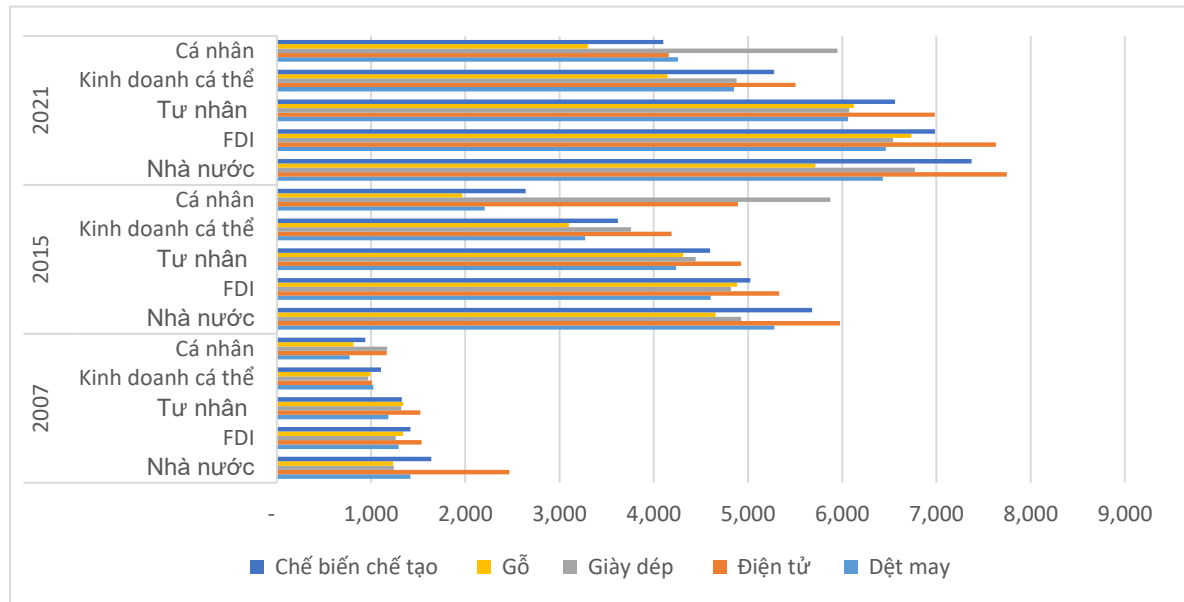
Ngành gỗ vẫn là ngành có thu nhập thấp nhất và ngành điện tử có thu nhập cao nhất trong các nhóm ngành định hướng xuất khẩu trong giai đoạn 2007-2021.

Theo hình thức sở hữu thì thu nhập của lao động làm công ăn lương trong khu vực nhà nước (gồm các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước) có thu nhập cao nhất, tiếp đó là thu nhập của lao động trong khu vực FDI và doanh nghiệp tư nhân trong nước. Thu nhập thấp nhất là lao động trong các hộ kinh doanh cá thể và cá nhân (Hình 8). Phần lớn các lao động làm việc trong các ngành định hướng xuất khẩu là lao động thuộc khu vực FDI, chính vì vậy, mức thu nhập cao trong khu vực này rất hấp dẫn người lao động đến làm việc. Trong giai đoạn 2007-2021, thu nhập của lao động trong ngành chế biến, chế tạo khu vực FDI đã tăng 4,9 lần từ 1,42 triệu đồng/tháng năm 2007 đã tăng lên 6,99 triệu đồng/tháng năm 2021. Đây cũng là mức tăng chung cho thu nhập của lao động trong các ngành điện tử, dệt may, giày dép và sản xuất đồ gỗ.



Hình 8: Thu nhập danh nghĩa của lao động làm công ăn lương trong một số ngành xuất khẩu chính theo hình thức sở hữu giai đoạn 2007-2021

Đơn vị tính: nghìn đồng/tháng



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu LFS 2007-2021 của GSO

### 3.3. Thu nhập của lao động làm công ăn lương theo sự phù hợp giữa trình độ và công việc

Phần này sẽ tính thu nhập danh nghĩa của người lao động làm công ăn lương theo sự phù hợp giữa trình độ học vấn cao nhất và công việc mà người lao động đang thực hiện theo 3 mức đánh giá là phù hợp, thừa trình độ và thiếu trình độ trong giai đoạn 2007-2021. Sự phù hợp giữa trình độ học vấn và công việc đang làm của người lao động được đo lường bằng phương pháp khách quan dựa vào khung phân tích của ILO. Theo đó, ILO chia các nhóm nghề thành 4 nhóm khác nhau và mỗi nhóm nghề sẽ tương ứng với một chuẩn trình độ đào tạo nhất định. Nhóm nghiên cứu sẽ sử dụng khung phân tích này để chia nhóm công việc mà người lao động đang làm với trình độ của họ để đánh giá sự phù hợp thành 3 mức là phù hợp, thừa trình độ và thiếu trình độ so với công việc đang làm. ILO (2012) đã quy đổi trình độ giáo dục tương ứng với mỗi nhóm nghề cơ bản này dựa vào bộ tiêu chuẩn phân loại quốc tế về trình độ giáo dục (Bảng 1).

Theo sự phân loại này, nhân tố trình độ chuyên môn không phù hợp được chia thành 3 nhóm nhỏ là: (i) đúng trình độ; (ii) thiếu trình độ so với nghề hiện tại; (iii) thừa trình độ so với nghề hiện tại. Những lao động được coi là đúng trình độ so với nghề hiện tại là những người đang làm những công việc tương đương với trình độ của họ được phân loại trong Bảng 1.

Theo kết quả tính toán, hơn 50% lao động đang làm công việc phù hợp với trình độ đào tạo và tỷ lệ này có xu hướng tăng từ 52,2% năm 2010 lên 54,5% năm 2020. Cùng trong giai đoạn này, tỷ lệ lao động thừa trình độ cũng tăng lên khoảng 3 điểm phần trăm từ 5,2% năm 2010 lên 8,1% năm 2020. Tuy nhiên, đến năm 2021, tỷ lệ lao động có công việc phù hợp với trình độ đào tạo đã giảm xuống 4,1 điểm phần trăm so với năm 2020 và ngược lại tỷ lệ thiếu trình độ lại tăng hơn 4,3 điểm phần trăm.

Đặc biệt, mặc dù tỷ lệ lao động thiếu trình độ đã giảm từ 42,6% năm 2010 xuống còn 37,4% năm 2020, tỷ lệ này đã tăng lên 41,7% năm 2021 và vẫn chiếm tới gần 50% trong tổng lao động. Đây có thể là một nguyên nhân lý giải cho năng suất lao động thấp ở Việt Nam.



Bảng 1: Phân loại nghề nghiệp và trình độ giáo dục tương đương

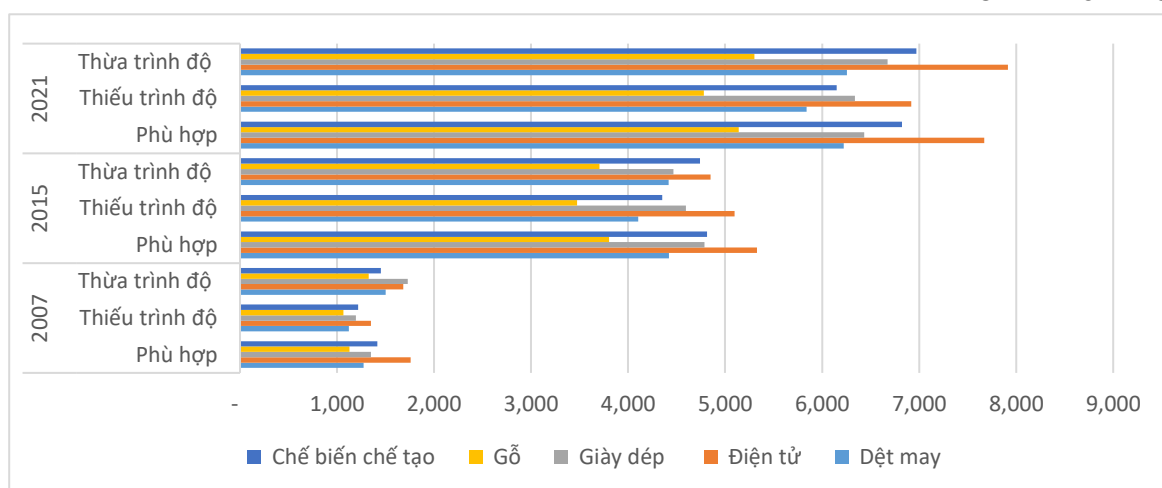
Mã	Phân loại nghề nghiệp	Trình độ tương đương
1	Lãnh đạo trong các ngành/đơn vị	Đại học trở lên
2	Nhà chuyên môn bậc cao	Cao đẳng chuyên nghiệp
3	Nhà chuyên môn bậc trung	Cao đẳng nghề
4	Nhân viên trợ lý văn phòng	
5	Nhân viên dịch vụ và bán hàng	Trung cấp chuyên nghiệp
6	Lao động có kỹ thuật trong nông lâm nghiệp và thủy sản	Trung cấp nghề
7	Lao động thủ công và nghề nghiệp liên quan	Tốt nghiệp trung học phổ thông
8	Thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	
9	Lao động giản đơn	Sơ cấp nghề Tốt nghiệp trung học cơ sở Tốt nghiệp tiểu học

Nguồn: ILO (2018)

Mặc dù thu nhập đã tăng lên đáng kể từ năm 2007-2021 nhưng có thể thấy, những lao động làm công ăn lương có trình độ phù hợp với công việc đang làm trong các ngành chế tạo định hướng xuất khẩu cao hơn đáng kể những người thiếu trình độ nhưng lại thấp hơn một chút so với thu nhập của những người thừa trình độ so với công việc đang làm (Hình 9).

Hình 9: Thu nhập danh nghĩa của lao động làm công ăn lương trong một số ngành xuất khẩu chính theo sự phù hợp giữa trình độ và công việc giai đoạn 2007-2021

Đơn vị tính: nghìn đồng/tháng



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu LFS 2007-2021 của GSO

Ví dụ, trong năm 2021 ở các ngành chế biến, chế tạo nói chung, so với thu nhập của những người có trình độ phù hợp thì thu nhập của những người thiếu trình độ có thu nhập thấp hơn 9,9% trong khi thu nhập của những người thừa trình độ chỉ cao hơn 2,2%. Sự tương đồng này cũng có trong các ngành điện tử, giày dép và may mặc trong năm 2021.

Mặc dù tỷ lệ thiếu trình độ đã có xu hướng giảm xuống và tỷ lệ phù hợp đã tăng lên trong giai đoạn 2007-2021 nhưng thu nhập của lao động làm việc thiếu trình độ thấp hơn đáng kể so với những lao động có việc làm phù hợp với trình độ là một vấn đề cần phải tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới ở Việt Nam. Ngược lại, việc thừa trình độ mặc dù giúp cho thu nhập cao hơn nhưng không đáng kể so với thu nhập của những người có trình độ phù hợp cũng phản ánh sự lãng phí nguồn lực và cần phải có biện pháp khắc phục phù hợp.

#### **4. Kết luận**

Phân tích sự thay đổi về cơ cấu lao động và thu nhập danh nghĩa của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu giai đoạn 2007-2021, bài viết cho thấy số lao động làm việc trong các ngành chế tạo tăng đều qua từng năm trong giai đoạn nghiên cứu. Đặc biệt, trong 4 ngành có giá trị xuất khẩu cao nhất năm 2021 là điện tử, dệt may, giày dép và sản phẩm gỗ thì tỷ lệ nữ giới chiếm đa số. Thu nhập danh nghĩa của lao động làm công hưởng lương trong các ngành chế tạo nói chung và các ngành định hướng xuất khẩu nói riêng đều tăng liên tục trong cả giai đoạn 2007-2021. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu thì thu nhập của nam giới luôn cao hơn của nữ giới trong các ngành chế tạo định hướng xuất khẩu và đặc biệt là khoảng cách thu nhập ngày càng doãng rộng hơn. Những lao động làm công ăn lương có trình độ phù hợp với công việc đang làm trong các ngành chế tạo định hướng xuất khẩu có thu nhập cao hơn đáng kể những người thiếu trình độ.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Hải Vân (2014) “Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá thị trường lao động Việt Nam” trong *Kỷ yếu đề tài cấp Bộ 2012-2013*, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. ILO (2018), “Measurement of qualifications and skills mismatches of persons in employment”, ICLS/20/2018/Room document 15. 20th International Conference of Labour Statisticians Geneva, 10-19 October 2018.
3. Vũ Long (2022), “Xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện dẫn dắt giá trị thương mại”, <https://laodong.vn/kinh-te/xuat-khau-dien-tu-may-tinh-va-linh-kien-dan-dat-gia-tri-thuong-mai-1035393.lido#:~:text=Trong%20qu%C3%BD%20L.v%E1%BB%9Bi%20c%C3%B9ng%20k%E1%BB%B3%20n%C4%83m%20tr%C6%B0%E1%BB%9Bc>, truy cập ngày 11/7/2022.
4. Nhật Quang (2021), “Ngành dệt may và da giày Việt Nam mất hàng tỷ đô vì dịch Covid-19”, <https://fili.vn/2021/01/nganh-det-may-va-da-giay-viet-nam-mat-hang-ty-do-vi-dich-covid-19-768-817963.htm>, truy cập ngày 20/8/2022.
5. Thông tấn xã Việt Nam (2022), “8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD năm 2021”, <https://www.vietnamplus.vn/infographics-8-mat-hang-xuat-khau-tren-10-ty-usd-nam-2021/766391.vnp>, truy cập ngày 11/8/2022.
6. Top Nội thất (2022), “Kim ngạch xuất nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Việt Nam 2021”, <https://topnoithat.com/kim-ngach-xuat-nhap-khau-do-go-noi-that-cua-viet-nam-2021/>, truy cập ngày 20/8/2022.